TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2018/HNGĐ-ST Ngày 23-11-2018 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hùng Em.

Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Không có.

Ngày 23/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bé T1, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bé T1 trình bày:

Chị và anh T2 chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2009. Thời gian đầu chung sống vợ chồng cũng rất hạnh phúc tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T1 và anh T2 có 01 người con chung là Nguyễn Minh Đ (sinh ngày 01/6/2009). Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T1 vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, không có ý kiến gì thêm

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay anh T2 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét chị T1 khởi kiện xin ly hôn với anh T2 có địa chỉ tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt anh T2 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (Số 93/2009, Quyển số 1); do đó hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hợp pháp

Sau khi kết hôn, theo chị T1 trình bày thì vợ chồng đã có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc tuy nhiên sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do vì anh T2 nhậu vào là chửi vợ con. Năm 2014, anh T2 đi Bình Dương làm, vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay.

Tại phiên Tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của chị T1 thì giữa vợ chồng có sự bất hòa và đã ly thân từ năm 2014 đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị T1, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh T2 biết, tuy nhiên anh T2 không có ý kiến đối với vụ án, đồng thời anh T2 cũng không đến Tòa án để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị T1 và anh T2 có 01 người con chung là Nguyễn Minh Đ (sinh ngày 01/6/2009), hiện nay cháu Đ đang sống với chị T1. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T2 không có ý kiến, tại phiên tòa hôm nay anh vắng mặt, đồng thời cháu Đ cũng có nguyện vọng sống chung với chị T1. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1, giao cháu Đ cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị T1 trình bày không có, trong quá trình giải quyết vụ án anh T2 không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T1 trình bày không có, trong quá trình giải quyết vụ án anh T2 không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T1 thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Trần Thị Bé T1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Đ (sinh ngày 01/6/2009, hiện đang sống chung với chị T1) cho chị Trần Thị Bé T1 được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị T1 không yêu cầu).

Anh Nguyễn Văn T2 được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu Đ, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về án phí:

- Chị Trần Thị Bé T1 được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do chị T1 thuộc diện hộ nghèo.

- Anh Nguyễn Văn T2 không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang